EcoCheck
A BEEVR PRODUCT

Danh sách số liệu cần chuẩn bị cho kiểm kê khí nhà kính cấp cơ sở

Kèm khung Mẫu số 06 (bản trống) · theo Nghị định 06/2022/NĐ-CP, sửa đổi bởi Nghị định 119/2025/NĐ-CP

Phạm vi kiểm kê và thời hạn

- Kiểm kê cấp cơ sở gồm phát thải trực tiếp (Phạm vi 1) và phát thải gián tiếp từ sử dụng năng lượng (Phạm vi 2); lập báo cáo theo Mẫu số 06.
- Kỳ báo cáo tới: nộp trước 31/3/2027, gồm số liệu năm 2025 và 2026; sau đó hai năm một lần.
- Phạm vi 3 (chuỗi cung ứng, vận chuyển thuê ngoài…) không bắt buộc trong báo cáo này — chỉ làm thêm khi khách hàng yêu cầu (CBAM, ESG).
- Danh mục cơ sở phải kiểm kê hiện hành: Quyết định 42/2026/QĐ-TTg (2.441 cơ sở, hiệu lực 25/9/2026).

1. Số liệu cần gom (năm gần nhất, theo tháng nếu có)

	Nhóm số liệu	Chi tiết cần có	Chứng từ / nguồn
	Thông tin cơ sở	Tên, địa chỉ, mã số thuế, người đại diện; ranh giới, diện tích; danh sách hạng mục, dây chuyền	Giấy ĐKKD, sơ đồ mặt bằng
	Điện mua vào (Phạm vi 2)	kWh theo tháng của từng công tơ / từng cơ sở; điện mặt trời tự dùng (nếu có)	Hoá đơn tiền điện 12 tháng
	Nhiên liệu đốt tĩnh (Phạm vi 1)	Dầu DO/FO, than, LPG, khí thiên nhiên, sinh khối dùng cho lò hơi, lò nung, máy phát (lít, tấn, m^3)	Phiếu xuất kho, hoá đơn mua nhiên liệu
	Nhiên liệu di động (Phạm vi 1)	Xăng, dầu của xe tải, xe con, xe nâng thuộc cơ sở (lít)	Sổ cấp phát nhiên liệu, hoá đơn
	Phát thải rò rỉ (Phạm vi 1)	Môi chất lạnh nạp bổ sung (R22, R32, R410A, R134a…, kg); bình chữa cháy CO_2	Biên bản bảo trì điều hoà, chiller
	Quá trình sản xuất (Phạm vi 1, nếu có)	Nguyên liệu phát thải trong quá trình (đá vôi, clinker, chất khử…), sản lượng tương ứng	Báo cáo sản xuất, nhập xuất kho
	Chất thải, nước thải tự xử lý (nếu có)	Lượng chất thải rắn đốt/chôn tại chỗ (tấn); nước thải xử lý (m^3, COD)	Sổ theo dõi trạm xử lý
	Sản lượng và vận hành	Sản phẩm chính và sản lượng; số ngày vận hành; số lao động	Báo cáo sản xuất
	Quản lý số liệu	Người phụ trách từng loại số liệu; nơi lưu; tần suất đọc công tơ	Sơ đồ tổ chức

2. Khung Mẫu số 06 (bản trống) — báo cáo kết quả kiểm kê khí nhà kính cấp cơ sở

Đề mục theo Mẫu số 06, Phụ lục II, Nghị định 06/2022/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 119/2025/NĐ-CP); ngành Công Thương áp dụng phương pháp theo Thông tư 38/2023/TT-BCT. Dùng khung này để chuẩn bị nội dung; khi nộp, đối chiếu đúng mẫu trong văn bản gốc.

I. THÔNG TIN CỦA CƠ SỞ PHẢI THỰC HIỆN KIỂM KÊ KHÍ NHÀ KÍNH

1. Tên cơ sở, địa chỉ, giấy phép kinh doanh

2. Thông tin về người đại diện của cơ sở trước pháp luật

3. Thông tin về lĩnh vực hoạt động kinh doanh, sản xuất

4. Cam kết của các bên

II. THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ SỞ

1. Ranh giới và phạm vi hoạt động của cơ sở

2. Cơ sở hạ tầng, công nghệ và hoạt động của cơ sở

3. Các nguồn phát thải, bể hấp thụ khí nhà kính

4. Hệ thống thông tin, dữ liệu về phát thải khí nhà kính; nguyên nhân các hạn chế trong kiểm kê

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KIỂM KÊ PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH

1. Mô tả phương pháp kiểm kê (thu thập số liệu, hệ số phát thải)

2. Số liệu hoạt động liên quan đến phát thải khí nhà kính của cơ sở

3. Kết quả kiểm kê khí nhà kính của cơ sở

4. Độ tin cậy, tính đầy đủ, độ không chắc chắn của số liệu và kết quả

IV. KẾT LUẬN

Tổng phát thải, nguồn phát thải chính, kiến nghị

EcoCheck làm phần việc nặng

Nhập số liệu trên EcoCheck (hoặc nhờ trợ lý AI nhập từ hoá đơn), hệ thống tự tính Phạm vi 1, 2 theo hệ số chính thức và xuất báo cáo Mẫu số 06 dạng Word. Chuyên gia EcoCheck hỗ trợ khi cần.

ecocheck.ai · connect@beevr.ai · Zalo/điện thoại 037.6869.366

Tài liệu tham khảo, không thay thế văn bản pháp luật. Cập nhật 10/2026.